

Các phương pháp định lượng trong nghiên cứu dân số: Khả năng và hạn chế

PHÍ VĂN BA

Giá trị Xã hội trực tiếp nhất của bất kỳ ngành khoa học nào có lẽ ở khả năng ứng dụng của nó. Xã hội học cũng không phải là một ngoại lệ. Trong điều kiện nước ta, khi mà khả năng phát triển lý luận xã hội học còn có những hạn chế do những yếu tố và điều kiện lịch sử nhất định, cũng như những khả năng chủ quan tạo nên, thì xã hội học ứng dụng càng có ý nghĩa nổi bật. Vì lẽ đó, cái quyết định trước hết đối với khả năng thể hiện vai trò xã hội của xã hội học ở nước ta hôm nay cũng là các phương pháp xã hội học thực nghiệm định tính và định lượng. Ở đây xin chỉ bàn qua một đôi điều về các phương pháp xã hội học định lượng trong lĩnh vực nghiên cứu dân số trên cơ sở kinh nghiệm rút ra được từ những thực tế khảo sát xã hội học về dân số.

Trước hết, tôi có cảm giác rằng khi nói đến các phương pháp xã hội học định lượng, người ta thường chỉ gắn chúng với một trong ba giai đoạn cơ bản của quá trình nghiên cứu xã hội đối với bất kỳ đối tượng nào - đó là giai đoạn thu số liệu. Tất nhiên, các phương pháp định lượng được sử dụng trong giai đoạn nào là chủ yếu, nhưng nếu bỏ qua chúng trong các giai đoạn khác trước đó thì e rằng sẽ hạn chế những khả năng khai thác chúng. Vì vậy, xin bàn qua về những khả năng và hạn chế của các phương pháp định lượng trong cả ba giai đoạn của quá trình này.

Thứ nhất, giai đoạn phân tích vấn đề.

Xã hội học không phải là luân lý học, nó không khen, không chê những gì đang là hiện thực xã hội; nó chỉ giúp nhận dạng các quá trình, các hiện tượng trong thực trạng và dự đoán hướng vận động trong tương lai. Vì vậy, việc nghiên cứu xã hội học đối với bất kỳ đối tượng xã hội nào cũng được bắt đầu từ giai đoạn phân tích vấn đề mà hiện thực xã hội đang đặt ra.

Theo quan điểm xã hội học, có thể hiểu "vấn đề" như là mâu thuẫn xuất hiện trong các quá trình xã hội giữa cái đã biết và cái chưa biết, hoặc cái có ý nghĩa và cái không có ý nghĩa trong đối tượng cần nghiên cứu.

Trong thực tế nghiên cứu dân số, việc xác định đúng vấn đề không phải lúc nào cũng dễ dàng, bởi lẽ chỉ có thể coi là một tình huống vấn đề đã nảy sinh cần nghiên cứu khi tồn tại ít nhất là ba điều kiện sau đây:

Có sự trái ngược giữa cái đã biết và cái có thể biết, hoặc là cái đã xuất hiện và cái có thể xuất hiện (chẳng hạn, trong cuộc nghiên cứu FFS⁽¹⁾ nhận thấy mặc dù 96,6% phụ nữ được hỏi tán thành gia đình ít con, 4,4% không tán thành và 4,0% không tỏ thái độ, nhưng quá một nửa dự định và mong muốn có 3 con trở lên - tương ứng là 52,3% và 57,9%);

- Có sự nghi vấn: vì sao có sự trái ngược đã nói;

- Có ít nhất là hai câu trả lời có thể và đáng tin, giải thích cho "vấn đề" đã nhận thấy, chẳng hạn: 1) Có thể là do sự vận động tuyên truyền nặng về hình thức và có tính chất áp đặt, nên chưa làm chuyển biến các quan niệm truyền thống trong ý thức; 2) Có thể là do đời sống vật chất khá lên nhanh chóng sau khoán 10 chưa đủ điều kiện làm chuyển biến những yếu tố văn hóa - dân trí và lối sống; 3) Có thể là sự khôi phục các quan hệ cộng đồng họ tộc đang tác động tiêu cực lên quá trình chuyển biến nhận thức...

Một thí dụ khác tương tự, chẳng hạn, từ sau khi thực hiện chế độ khoán hộ, nhận thấy có sự tăng mức sinh ở một số vùng nông thôn. Mâu thuẫn tồn tại: sự tăng trưởng kinh tế là điều kiện đáng lẽ làm giảm mức sinh, thì ở

¹ Cuộc nghiên cứu về gia đình, sinh đẻ, 1990 ở các tỉnh Tiền Giang, Quảng Nam - Đà Nẵng. Hà Tây do tác giả tham gia tiến hành.

đây lại ngược lại. Vì sao vậy? Có thể là do trong điều kiện khoán hộ người ta cần nhiều sức lao động gia đình hơn? Có thể do tình trạng khép kín về thông tin và giao lưu xã hội vẫn chưa được cải thiện? Hoặc có thể do những điều kiện không bao cấp đã gây khó khăn cho việc cung cấp và dịch vụ các biện pháp tránh thai? Ở đây thực sự đã xuất hiện vấn đề, nhưng lý do thì chưa rõ, cần có những nghiên cứu tương ứng.

Phân tích vấn đề được coi như là sự phản ánh thực tiễn xã hội, biểu thị ở sự phản ánh các tính chất, các quan hệ, các quy luật thông qua quá trình tổng hợp và trừu tượng hóa. Đó là khâu rất quan trọng để xác định chính xác nhiệm vụ cần nghiên cứu và giải quyết.

Tất nhiên, trong việc phân tích vấn đề thì các phương pháp định tính cùng với quá trình suy lý có vai trò hàng đầu. Nhưng ngay cả ở đây các phương pháp định lượng cũng có vai trò nhất định, chẳng hạn để xác định các tương quan lượng của các yếu tố, các biến được xem xét. Xin đơn cử một thí dụ. Khi phân tích vấn đề về tình trạng mức sinh ở nông thôn, chúng ta thường xuất phát từ việc xem xét ba yếu tố cần và đủ để bảo đảm giảm mức sinh - đó là sự chuyển đổi từ gia đình lớn đa thế hệ sang gia đình hạt nhân, mức độ gia tăng kinh tế - biến đổi xã hội và sự chuyển đổi của ý thức. Nếu như ở đây chúng ta sử dụng các phương pháp định lượng, chẳng hạn, để so sánh tác động của yếu tố hạt nhân hóa gia đình lên mức sinh trong những giai đoạn lịch sử khác nhau của nông thôn, thì có thể dễ dàng nhận thấy rằng trong điều kiện nước ta, yếu tố hạt nhân hóa không thể được đặt ngang bằng với các yếu tố còn lại. Nghĩa là ở đây các phương pháp định lượng có thể hỗ trợ đắc lực cho quá trình tư duy tổng hợp, ít nhất là để xác định mối tương quan về lượng giữa các yếu tố được lấy làm căn cứ xuất phát để suy lý. Điều này, suy đến cùng, lại bảo đảm cho việc định hướng chính xác các hoạt động khảo sát thực nghiệm.

Tuy nhiên, khi sử dụng phương pháp định lượng dựa trên những tư liệu thực nghiệm và thống kê cũng có những điều kiện cần được kiểm tra lại bằng các chỉ báo định tính và suy lý. Chẳng hạn, ở các vùng nông thôn đồng bằng nước ta tỷ lệ các gia đình hai thế hệ chiếm tới 72,6%, trong khi đó các gia đình ba thế hệ chỉ chiếm 23,8% còn gia đình một thế hệ là 3,6%. Quy mô nhân khẩu của gia đình trong phạm vi 6 người chiếm 80,9% trên 6 người: 19,1%. Nhưng, mặt khác, những chỉ báo định lượng này về yếu tố hạt nhân hóa lại không cho phép giải thích vai trò hiện thực của nó đối với việc giảm mức sinh trong điều kiện nông thôn nước ta, thậm chí có thể dẫn chúng ta đến những nhầm lẫn trong định hướng lý luận, nếu không dựa vào cả những tư liệu nghiên cứu định tính bổ sung: mức hạt nhân hóa cao không phải là điều kiện của trình độ hiện đại hóa gia đình tương xứng, mà chủ yếu là do ảnh hưởng của các yếu tố tập quán truyền thông, điều kiện cắt xé của canh tác tiểu nông lúa nước, cũng như của chế độ phân phối đất đai trong thời kỳ hợp tác xã. Tất cả những gì phải làm như đã nói trên, về thực chất cũng chỉ là để xây dựng được khung logic chung có căn cứ khoa học và thực tiễn cho các hoạt động khảo sát tác nghiệp tiếp theo. Nói cách khác, sản phẩm trực tiếp của quá trình phân tích vấn đề là:

- Phân định rõ cái gì đã biết, cái gì chưa biết, các yếu tố cần nghiên cứu, mối tương quan bản chất cũng như những tương quan định lượng của chúng;

- Các phương án lựa chọn;

- Các phương pháp giải quyết hợp lý;

- Hệ thống tư liệu (định tính và định lượng) liên quan để tham khảo.

Ở đây có thể dễ dàng nhận thấy vai trò đáng kể của các phương pháp định lượng: chúng trực tiếp tham gia vào các khâu của quá trình phân tích tương quan để xây dựng khung logic nói trên.

Giai đoạn thứ hai, theo thông lệ, là xây dựng và kiểm tra giả định, tức là những dự kiến có căn cứ khoa học, mà tính chân lý của nó cần được nghiên cứu thực nghiệm tiếp tục để đi đến kết luận cụ thể.

Có thể coi giả định là kết quả trực tiếp của quá trình tư duy dựa trên cơ sở các yếu tố thực của đời sống xã hội, được đo đếm bằng những chỉ báo định tính và định lượng. Giả định khoa học có vai trò là phương tiện để nhận thức đối tượng nghiên cứu, các quan hệ và quy luật cơ bản của nó.

Như vậy, nếu như không thể bỏ qua việc xây dựng giả định khoa học trong bất kỳ quá trình nghiên cứu xã

hội nào, thì cũng có thể nói cả ở giai đoạn này các phương pháp đo đếm định lượng cũng là phương tiện không thể thiếu. Ở đây các phương pháp định lượng tham gia trực tiếp vào việc cung cấp những chỉ báo cụ thể về các yếu tố thực của đối tượng xã hội cần nghiên cứu - như là chất liệu, chỗ dựa và xuất phát điểm của quá trình tư duy giả định (chẳng hạn, những chỉ báo định lượng về khối lượng lao động nông nghiệp trong khu vực nông thôn đồng bằng, khối lượng lao động đầu tư trung bình cho việc thâm canh một đơn vị ruộng khoán hiện nay, tỷ lệ trẻ em bỏ học ở khu vực này... là những tư liệu trực tiếp hỗ trợ cho quá trình xây dựng một trong những giả định về biến đổi mức sinh sau khoán 10).

Trong thực tế khảo sát xã hội học về dân số, việc xây dựng và kiểm tra giả định thường đòi hỏi đầu tư nhiều công sức và tư liệu tham khảo. Sự thành, bại của các cuộc khảo sát thực nghiệm cũng tùy thuộc nhiều vào chất lượng của những giả định được đưa ra. Vì vậy, kiểm tra những giả định đã được xây dựng là yêu cầu không thể bỏ qua đối với người làm công tác nghiên cứu. Những khó khăn lớn thường là ở khâu kiểm tra giả định này. Có lẽ, có hai nguyên nhân chính. Thứ nhất, những số liệu định lượng đã có về dân số và kế hoạch hóa gia đình khá nhiều, nhưng đơn điệu và mức độ mâu thuẫn của chúng cũng lại khá lớn. Xin đơn cử: khi chuẩn bị xây dựng giả định cho các cuộc nghiên cứu về dân số, chúng tôi đã được cung cấp những chỉ báo định lượng, chẳng hạn là mức tăng dân số của một địa phương nào đó, rất khác nhau giữa số liệu của Trung ương, của tỉnh và của địa phương đó. Và thứ hai, những hạn chế về nhiều mặt (thời gian, kinh phí, phương tiện, chuyên gia...) trong việc tiến hành các thăm dò "tiền nghiên cứu" (pretest), do đó không có đủ những cứ liệu định tính cũng như định lượng để đánh giá mức độ phù hợp giữa giả định và thực tế xã hội. Để khắc phục tình trạng này, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp so sánh định lượng dựa trên số liệu thống kê tương ứng của địa phương cần nghiên cứu (chẳng hạn như đối sánh số liệu thống kê của y tế xã và hộ tịch xã về số trẻ sinh - tử hàng năm với số học sinh tại xã vào học lớp 1 đúng tuổi và không đúng tuổi vào những khoảng thời gian tương ứng sau đó để biết số trẻ đã ra đời trên thực tế từng năm). Tất nhiên, các phương pháp định lượng ở đây chỉ có thể hỗ trợ một phần nào trong điều kiện còn có nhiều hạn chế như đã nói trên. Thiết nghĩ, cùng với những phân tích định lượng thống kê, đã đến lúc cần tạo điều kiện cho việc tiến hành các tiền khảo sát định tính để kiểm tra kỹ các giả định trước khi thực hiện các hoạt động khảo sát tác nghiệp.

Giai đoạn thứ ba của quá trình nghiên cứu đối tượng xã hội là thu số liệu. Tất nhiên, việc thu số liệu được tiến hành ngay từ khi xây dựng ý tưởng, phân tích vấn đề được đặt ra. Nhưng việc thu số liệu trong giai đoạn này là một khâu trực tiếp của quá trình khảo sát tác nghiệp và các kết quả của nó có tư cách như là các cứ liệu nghiên cứu định lượng. Thông thường, chúng ta sử dụng hai phương pháp thu số liệu định lượng. Thứ nhất là phương pháp phân tích tài liệu hiện có, liên quan với vấn đề cần nghiên cứu. Các cứ liệu được thu nhập và xử lý định lượng (việc xử lý định tính không bàn ở đây) thường bao gồm các tài liệu thành văn, chính thống và không chính thống. Sau khi xác định được mức độ đúng đắn của tài liệu, các kết quả phân tích và tổng hợp được coi như là những cứ liệu khoa học dùng cho việc xây dựng những nhận xét, kết luận hoặc ý kiến đề xuất nào đó. Thực tế công tác nghiên cứu của chúng tôi đã cho thấy rằng, bên cạnh những ưu thế lớn: đỡ tốn kém, khả năng khai thác khối lượng lớn tài liệu, phương pháp này cũng bộc lộ nhược điểm không thể khắc phục: nó không đảm bảo tính thời sự, khách quan cần thiết. Xin đơn cử một thí dụ. Các cuộc khảo sát xã hội học được tiến hành trong nhiều năm qua đã cung cấp một khối lượng đáng kể các cứ liệu khoa học, chẳng hạn về độ mở thông tin, văn hóa và giao lưu xã hội của nhiều vùng nông thôn đồng bằng. Những cứ liệu này là một trong những căn cứ để đo đếm ảnh hưởng của các biến trung gian lên mức sinh. Nhưng những số liệu khảo sát thực nghiệm thu được trong vòng vài năm gần đây cũng đã không còn phản ánh đúng hiện thực hôm nay. Thí dụ, năm 1990 cuộc điều tra FFS ở xã Văn Nhân (huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây) cho thấy mức độ theo dõi thông tin và giao lưu xã hội rất thấp ở khoảng một nửa số người được hỏi, thì theo những số liệu của cuộc nghiên cứu sâu năm 1991 ở đây tình hình đã không còn như vậy. Cuối năm 1991 cuộc nghiên cứu sâu ở xã Hồng Minh (trong cùng huyện Phú Xuyên) đã cho thấy bức tranh khác hẳn: các sinh hoạt văn hóa (nghe đài, xem ti vi, vi deo, phim ảnh) và theo dõi thông tin (đặc biệt là thông tin kinh tế) đã là nhu cầu hàng ngày của phần lớn hộ gia đình nông dân (dù vài năm trước đây Hồng Minh vẫn còn là một xã khá "hẻo lánh"). (Tư liệu Viện Xã hội học).

Phương pháp thu số liệu thứ hai được sử dụng nhiều nhất trong các cuộc khảo sát xã hội học của chúng tôi là phỏng vấn dưới hai hình thức: phỏng vấn bằng bảng hỏi (anket) và phỏng vấn bằng đối thoại trực tiếp (quen gọi là phỏng vấn sâu).

Việc sử dụng phương pháp anket trong những nghiên cứu dân số nhiều năm qua đã cho phép đưa ra những nhận xét sau đây về ưu thế cũng như những hạn chế không thể khắc phục của phương pháp này.

Thứ nhất, do những ưu thế lớn về khả năng thu thập cùng một lúc một khối lượng lớn thông tin từ một lượng lớn các đối tượng nghiên cứu, đồng thời ít tốn kém về phương tiện vật chất và chuyên gia, phương pháp này đáp ứng được những nhu cầu nghiên cứu thực nghiệm cấp thiết trong những năm qua.

Thứ hai, dù là với độ tin cậy còn chưa cao thì các chỉ báo định lượng cũng có sức thuyết phục và khả năng định hướng nhất định cho sự phân tích đánh giá các yếu tố của đối tượng xã hội được nghiên cứu. Có lẽ khó có thể hình dung ra một nhận xét hoặc kết luận khoa học thực nghiệm nào đó có sức thuyết phục cao mà lại không có các chỉ báo định lượng (dưới hình thức nào đó) tương ứng.

Thứ ba, trong điều kiện môi trường xã hội có độ thuần cao thì khối lượng mẫu có thể không cần lớn và mức độ đại diện của các chỉ báo định lượng cũng cao. Trong điều kiện độ biến động xã hội cao thì số lượng mẫu cần tăng lên nhiều và mức độ đại diện của các chỉ báo định lượng lại thấp. Để nâng cao độ tin cậy và mức độ đại diện của các chỉ báo này thì phải tăng số lượng mẫu lên thật lớn, điều này khó có thể thực hiện được.

Thứ tư, xã hội Việt Nam nói chung, nông thôn đồng bằng nói riêng đã bắt đầu phá vỡ dần tính khép kín và đi vào thời kỳ vận động mạnh mẽ của các quá trình chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa. Do đó "độ thuần nhất xã hội" cũng phân hóa mạnh, tính phức tạp và đa dạng của những quan hệ tương tác xã hội tăng lên. Nếu như trước đây có thể nghiên cứu vài hợp tác xã nông nghiệp là có thể phác họa được hệ thống này, thì ngày nay không còn có thể làm tương tự. Trong điều kiện như vậy, để đảm bảo tính đại diện và độ tin cậy cao của các chỉ báo định lượng (thu được bằng phương pháp anket) thì khối lượng các câu hỏi (tức là những thông tin phát ra để có thể nhận được những thông tin ngược tương ứng) sẽ phải rất lớn. Điều này cũng là không thể được. Còn nếu vẫn sử dụng quy mô bảng hỏi với lượng thông tin phát ra rất hạn chế và áp dụng cho một số ít (cho dù là hàng trăm) mẫu, thì các yếu tố cần đo đếm định lượng sẽ bị tách biệt khỏi nhiều nhân tố của hệ thống tác động lên nó. Vậy là rơi vào siêu hình. Chẳng hạn trong điều kiện biến động mạnh mẽ của đời sống kinh tế, xã hội, mức sinh ở khu vực nông thôn đồng bằng Bắc Bộ hiện nay chịu tác động cùng lúc của nhiều yếu tố và điều kiện khác nhau, vượt ra ngoài phạm vi các quan hệ định lượng giữa mức sinh với lứa tuổi, học vấn, đời sống vật chất. . . Khi nghiên cứu tình hình sinh đẻ ở xã Hồng Minh chúng tôi thu được chỉ báo định lượng như sau. Trong 46 phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên có 3 người thuộc diện khó khăn kinh tế, 27 người - trung bình và 16 - khá. Nếu chỉ dừng lại ở tương quan định lượng này thì không thể phát hiện đúng thực trạng. Các tương quan giữa học vấn và sinh đẻ ở đây cũng không cho thấy điều gì cả. Các kết quả phỏng vấn sâu theo từng nhóm trên đã cho kết quả như sau: 2 người khó khăn kinh tế và 5 người trung bình - do bị vỡ kế hoạch, 35 người - do muốn có con trai (trong đó 1 người khó khăn kinh tế), 4 người - do muốn có con gái. Nhưng phải chăng là đã xác định đủ và đúng các yếu tố tác động. Yếu tố tôn giáo ở đây thế nào? Các quan hệ cộng đồng và truyền thống đang biến đổi có tác động không? Thật khó có thể chỉ dựa vào phương pháp định lượng anket như thường làm.

Ngoài ra, còn có thể nhận thấy một số nhược điểm thường xuyên của phương pháp thu thông tin định lượng bằng bảng hỏi, chẳng hạn như sự không phù hợp của câu trả lời với câu hỏi được đưa ra, không có điều kiện khuyến khích đối tượng nghiên cứu trả lời các câu hỏi... Tuy nhiên, xin dành để bàn thêm trong một dịp khác.

Để khai thác những khả năng vốn có và khắc phục những nhược điểm đã nói trên của các phương pháp định lượng trong nghiên cứu dân số và gia đình, chúng tôi đã sử dụng kết hợp hai phương pháp nghiên cứu định lượng: phương pháp anket có định hướng theo một phạm vi các quan hệ nhất định và phương pháp phỏng vấn sâu. Ngoài ra, phương pháp định lượng bằng phân tích tư liệu thống kê cũng được kết hợp với phỏng vấn sâu những người có liên quan để tìm ra những khía cạnh tiềm ẩn, không được biểu thị trực tiếp trên các biểu thống kê. Nói cách khác, chúng tôi đã cố gắng "gõ" vào các số liệu chết để làm cho nó "ngộ ngាយ", từ đó phát hiện

những khía cạnh liên quan.

Các phương pháp kết hợp này đã được phòng Xã hội học dân số và gia đình áp dụng trong một số cuộc nghiên cứu của mình ở Văn Nhân và Hồng Minh. Việc triển khai nghiên cứu bằng các phương pháp này cùng với các kết quả thu được đã cho phép nhận xét rằng trong điều kiện xã hội đang biến động mạnh mẽ về mọi mặt, việc kết hợp các phương pháp định lượng bằng anket có định hướng với phỏng vấn sâu và phân tích tư liệu thống kê sẽ góp phần tích cực vào việc nâng cao dân chất lượng nghiên cứu xã hội học.